

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI GREEN TIME
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI GREEN TIME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN TIME TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GREEN TIME CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109691676

3. Ngày thành lập: 02/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 22, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942727477

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
2.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm (Điều 39 Luật Việc Làm và chương III nghị định 23/2021/NĐ-CP	7820
3.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
4.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
5.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
6.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Vệ sinh máy móc công nghiệp	8129
7.	Cho thuê xe có động cơ	7710
8.	Lập trình máy vi tính	6201
9.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
10.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ hoạt động điều tra)	7320
11.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
12.	In ấn	1811
13.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
14.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
15.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
16.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính chi tiết: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209

17.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);	4610
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh, pha lê; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu; - Bán buôn ô dù; - Bán buôn dao, kéo, dụng cụ cắt gọt, đồ dùng nhà bếp, đồ inox; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh; - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi;	4649(Chính)
20.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: - Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác: + Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc, + Hoạt động của các nghệ sỹ đơn lẻ như các tác giả, diễn viên, đạo diễn, nhà sản xuất, nhạc sỹ, nhà diễn thuyết, hùng biện hoặc dẫn chương trình, người thiết kế sân khấu và các chủ thầu, v.v.. + Hoạt động của các nhà hát các phòng hoà nhạc và các cơ sở nghệ thuật khác, + Hoạt động của các nhà điêu khắc, họa sỹ, người vẽ tranh biếm họa, thợ chạm khắc, + Phục chế các tác phẩm nghệ thuật như vẽ lại v.v.... - Hoạt động của các nhà sản xuất hoặc các nhà thầu về các sự kiện trình diễn nghệ thuật trực tiếp, có hoặc không có cơ sở. (Không bao gồm hoạt động báo chí)	9000

21.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài);	7020
22.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
27.	Bán buôn tổng hợp	4690
28.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
29.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
30.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
31.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
32.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
33.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
34.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
35.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
36.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
37.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
39.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
40.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
41.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
42.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
43.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
44.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
45.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

46.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
47.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
48.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
49.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
51.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
52.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
54.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
55.	Bán buôn thực phẩm	4632
56.	Bán buôn đồ uống	4633
57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
58.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
61.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
62.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
63.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet trừ hoạt động đấu giá	4791
64.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế, chế bản, in ấn catalogue, biển hiệu, áp phích và các dịch vụ liên quan đến in; - Dịch vụ tư vấn thiết kế, sản xuất chương trình CDRoom; - Dịch vụ tư vấn thiết kế, quản lý trang Web	7410
65.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Mua bán bản quyền các chương trình điện ảnh, quảng cáo, phát thanh, truyền hình, biểu diễn nghệ thuật sân khấu; - Đại lý phát hành phim ảnh, các chương trình băng video, đĩa CD, VCD quảng cáo;	7490

66.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ Tư vấn bất động sản (Điều 74 - Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014 được sửa đổi, bổ sung năm 2020) - Dịch vụ Quản lý bất động sản (Điều 75 - Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014 được sửa đổi, bổ sung năm 2020) - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 mục 2 - Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014 được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	6820
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)	8299
68.	Đại lý du lịch	7911
69.	Điều hành tua du lịch	7912
70.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
71.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
72.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
73.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
74.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
75.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu trừ hoạt động đấu giá	4799

6. Vốn điều lệ: 3.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÀ	Việt Nam	Số 31 Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.150.000.000	90,000	001177005717	

2	LÊ HUY PHÚC	Việt Nam	Số 31 Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	350.000.000	10,000	001074006565	
---	----------------	-------------	---	-------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001177005717

Ngày cấp: 06/08/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Số 31 Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 31 Lê Thánh Tông, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội